

Số: 01/2019 BCPGN

Vĩnh Phúc, ngày 1 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa

Năm báo cáo 2018

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **Công ty cổ phần Phụ Gia Nhựa**
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 2500287403 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 12 tháng 07 năm 2007, thay đổi lần thứ 3 ngày 27 tháng 12 năm 2017.
- Vốn điều lệ: 33.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 33.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: Thôn Minh Quyết, Phường Khai Quang, Thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.
- Số điện thoại: 0211.3717108
- Số fax: 0211.3717107
- Website: <http://www.pgn.com.vn>
- Mã cổ phiếu: PGN

Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần Phụ Gia Nhựa, được thành lập ngày 12/07/2007 với Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2500287403 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Phúc cấp dưới hình thức Công ty cổ phần, vốn điều lệ đăng ký là 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng). Sau thời gian góp vốn thực tế, công ty thay đổi đăng ký kinh doanh thay đổi ngày 08/12/2010 với mức vốn điều lệ giảm xuống còn 16.000.000.000 đồng (Mười sáu tỷ đồng) do 04 thành viên góp: Ông Trần Đặng Công; Ông Lê Nguyễn Thanh Hải; Bà Ngô Hoài Thanh và Công ty TNHH Hóa chất Hồng Phát.

Một số cột mốc quan trọng:

- Năm 2010 Công ty giới thiệu ra thị trường sản phẩm đầu tiên là can xi stearat (calcium stearate) và tiếp theo đó là kẽm stearat (zinc stearate) với công suất 1,000 tấn/năm. Với thành công này Công ty là công ty Việt Nam tiên phong trong công nghệ sản xuất metallic stearate ở Việt Nam.

- Năm 2012 Công ty đầu tư dây chuyền thiết bị mới của Đài Loan sản xuất tấm xốp EVA/PE (EVA foam) có công suất 80,000 tấm/năm, và trở thành 1 trong 3 công ty duy nhất sản xuất sản phẩm này ở Miền Bắc.
- Năm 2015 Công ty hợp tác với 2 đối tác Nhật bản là Sanyo Trading Co. Ltd. và Taisei Plastic Co. Ltd. Đầu tư dây chuyền thiết bị đồng bộ mới của Nhật để sản xuất hạt nhựa tái sinh và masterbatch với công suất 1,000 tấn/năm. Taisei Plastic chịu trách nhiệm quản lý chất lượng và chuyển giao công nghệ. Cùng trong năm lô hàng Hạt tạo màu đen (black pigment masterbatch) đầu tiên đã được Công ty xuất khẩu sang Nhật.
- Năm 2016 Công ty đầu tư thêm thiết bị cho dây chuyền EVA foam để sản xuất xốp EVA dạng cuộn, đáp ứng nhu cầu sản phẩm cho ngành xây dựng và ngành giấy.
- Năm 2017, Công ty thay đổi đăng ký kinh doanh lần 3 (do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 27/12/2017) điều chỉnh số vốn điều lệ là 33.000.000.000 đồng (Ba mươi ba tỷ đồng) và bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh mới. Hiện tại, Công ty đang sản xuất các sản phẩm chính: Kẽm Stearate, Canxi Stearate, PE Wax, Xốp EVA tấm, Xốp EVA cuộn, Hạt Compound, Hạt tạo màu đen (black pigment masterbatch), Hạt nhựa tái sinh.
- Năm 2018 Công ty được Ủy ban chứng khoán cấp chứng nhận là công ty cổ phần đại chúng và Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) cấp mã chứng khoán là PGN.

Không chỉ dừng ở lĩnh vực sản xuất hóa chất và phụ gia ngành nhựa, trong những năm qua, Công ty đã tham gia một số ngành nghề kinh doanh khác như: Dịch vụ lưu trữ hàng hóa, vận tải hàng hóa bằng đường bộ, hoạt động hỗ trợ tài chính Trải qua 10 năm hình thành và phát triển, Công ty đã từng bước khẳng định được vị trí và vai trò của mình trong lĩnh vực sản xuất hóa chất và các phụ gia ngành nhựa. Với đội ngũ lãnh đạo có trình độ cao, giàu kinh nghiệm cùng nhiều cán bộ trẻ năng động và sáng tạo trong công việc, các sản phẩm, dịch vụ do Công ty cung cấp luôn được khách hàng tin tưởng và đánh giá cao. Sự lớn mạnh của Công ty chính là kết quả của một quá trình phấn đấu không mệt mỏi. Công ty tự hào không chỉ cung cấp cho khách hàng những dịch vụ có chất lượng tốt nhất, với một thái độ làm việc có trách nhiệm và chuyên nghiệp nhất, mà còn từng bước khẳng định được vị thế của mình trong lĩnh vực.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

2.1. Ngành nghề kinh doanh:

Danh mục ngành nghề kinh doanh của Công ty cổ phần Phụ Gia Nhựa

TT	Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh
1	2029 (Chính)	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất các sản phẩm hoá chất khác

2	2022	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít Chi tiết: - Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự - Sản xuất mực in và ma tít
3	2220	Sản xuất sản phẩm từ plastic
4	4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
5	4690	Bán buôn tổng hợp
6	4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Vận tải hàng hóa đường bộ bằng ô tô
7	6619	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư
8	5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa - Dịch vụ lưu giữ hàng hóa
9	2219	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su Chi tiết: - Sản xuất sản phẩm khác từ cao su
10	5221	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt
11	5225	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ
12	2023	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh
13	3900	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác
14	3700	Thoát nước và xử lý nước thải

2.2. Địa bàn kinh doanh:

Sản phẩm công ty chủ yếu được tiêu thụ ở thị trường trong nước và xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản.

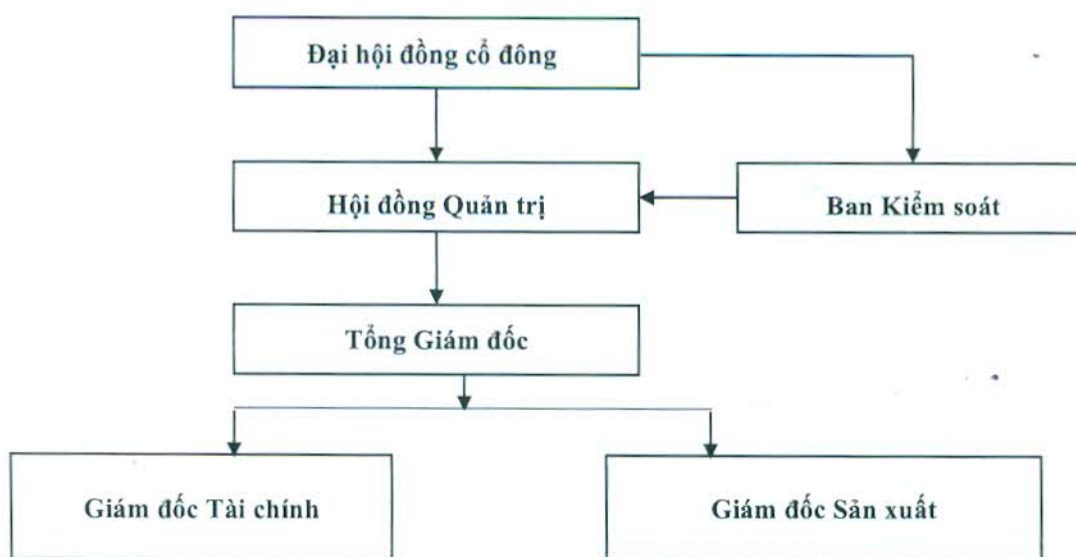
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Mô hình quản trị:

- Đại hội đồng cổ đông có thẩm quyền cao nhất công ty, quyết định những vấn đề thuộc quyền và nhiệm vụ do pháp luật, điều lệ công ty quy định.

- Hội đồng quản trị có 6 thành viên là cơ quan cao nhất của công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định những vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- Ban kiểm soát có 3 thành viên. Thực hiện nhiệm vụ thay mặt Đại hội đồng Cổ đông đánh giá giám sát công tác quản lý điều hành của Hội đồng quản trị, ban Tổng giám đốc theo điều lệ công ty, các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các văn bản pháp luật.

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:



- Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Định hướng phát triển.

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

- Trở thành tập đoàn gồm nhiều nhà máy sản xuất đa dạng sản phẩm phụ gia, hoá chất công nghiệp và tiêu dùng.
- Trở thành tập đoàn hoá chất hàng đầu Đông Nam Á và có uy tín trên thị trường thế giới.
- Không ngừng tạo ra giá trị thặng dư cho các nhà đầu tư, đảm bảo quyền lợi cho các đối tác và cán bộ công nhân viên, thực hiện tốt nghĩa vụ với Tổ quốc và toàn xã hội.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- Tập trung phát triển về qui mô sản xuất và thị trường cho các sản phẩm cốt lõi hiện tại là Stearate, Masterbatch và EVA foam.
- Đầu tư thoả đáng cho công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm với mục tiêu trong năm tới mỗi năm đưa ra thị trường 1 sản phẩm mới. Các sản phẩm mới cần mang tính

sáng tạo trong công nghệ sản xuất, tiên phong trong lĩnh vực, tận dụng thế mạnh của các nguồn lực trong nước và công nghệ sản xuất thân thiện với môi trường.

- Đầu tư nhà máy mới để thương mại hoá các sản phẩm mới do Công ty phát triển.

4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững về môi trường, xã hội và cộng đồng.

- Tuân thủ pháp luật về môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Không ngừng nghiên cứu ứng dụng các công nghệ sản xuất mới thân thiện hơn với môi trường.
- Đảm bảo và không ngừng cải thiện các chế độ phúc lợi cho người lao động.
- Thực hiện tốt các trách nhiệm xã hội với cộng đồng trên địa bàn hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

5. Các rủi ro.

5.1. Rủi ro kinh tế vĩ mô.

Thế giới ngày càng phẳng hơn. Việt Nam ngày càng hoà nhập nhiều hơn với nền kinh tế thế giới. Tính liên thông kinh tế này có 2 mặt. Sự tăng trưởng của kinh tế thế giới nói chung sẽ ảnh hưởng rất tích cực đến sự phát triển của kinh tế Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh xuất khẩu là yếu tố quan trọng thúc đẩy kinh tế trong nước. Ngược lại, những biến động chính trị và kinh tế trên thế giới, ở mức độ nhất định, cũng sẽ có tác động xấu đến tăng trưởng kinh tế trong nước.

Bên cạnh định hướng xuất khẩu của Công ty thì xuất khẩu cũng là thị trường chủ yếu của nhiều khách hàng của Công ty. Vì vậy, những biến động trên thế giới ảnh hưởng đến nhu cầu tiêu dùng, đến giá dầu, đến tỷ giá hối đoái ... đều ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như nhu cầu khách hàng giảm, chi phí sản xuất tăng ...

5.2. Rủi ro tỷ giá.

Phần lớn các loại nguyên nhiên liệu đầu vào của Công ty, trực tiếp hoặc gián tiếp, đều được nhập khẩu. Tỷ giá VND/USD tăng sẽ làm tăng chi phí sản xuất. Tuy nhiên, ảnh hưởng tiêu cực này cũng được giảm phần nào vì nó cũng giúp cho giá sản phẩm của Công ty và các khách hàng của Công ty cạnh tranh hơn khi xuất khẩu.

5.3. Rủi ro lãi suất.

Lãi suất vay ngân hàng tăng hay giảm đều ảnh hưởng trực tiếp tới kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Việc giảm nguồn vốn vay ngân hàng và tăng nguồn vốn tự có và nguồn vốn huy động từ thị trường chứng khoán sẽ giảm thiểu được rủi ro lãi suất.

5.4. Rủi ro lạm phát.

Lạm phát cao luôn có tác động tiêu cực lên môi trường sản xuất kinh doanh. Nó gây biến động lớn lên giá nguyên liệu, lãi suất vay ngân hàng và tạo áp lực tăng chi phí nhân công.

Đây là tác động tiêu cực chung nên sẽ không ảnh hưởng nhiều đến lợi thế so sánh giữa các công ty. Đối phó với lạm phát cao Công ty, cũng như các đối thủ cạnh tranh trong cùng môi trường, sẽ phải điều chỉnh giá bán sản phẩm.

5.5. Rủi ro luật pháp.

Việc thay đổi chính sách pháp luật là loại rủi ro rất khó tiên liệu đối với các doanh nghiệp. Rủi ro pháp luật cũng có thể đến từ việc qui phạm pháp luật không được qui định rõ ràng hoặc không có hướng dẫn cụ thể. Việc thực hiện tốt các qui phạm pháp luật sẽ giúp Công ty hạn chế phần nào các tác động xấu khi các cơ quan Nhà nước xiết chặt kiểm tra giám sát việc thực thi pháp luật.

5.6. Rủi ro biến động giá nguyên liệu.

Biến động giá nguyên liệu là rủi ro thường trực, ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty quản trị việc biến động giá nguyên liệu bằng các biện pháp cụ thể sau:

- Đa dạng hóa các loại nguyên liệu sản xuất để luôn có thể sử dụng được các nguyên liệu thay thế có giá thành rẻ hơn mà vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm. Việc này cũng đòi hỏi Công ty phát triển công nghệ để có các phương pháp sản xuất phù hợp với các loại nguyên liệu khác nhau.
- Luôn duy trì nhiều nhà cung cấp cho 1 loại nguyên liệu.
- Thiết lập quan hệ với các nhà cung cấp để luôn có giá tốt nhất và cập nhật được xu hướng biến động giá.
- Tăng tồn kho nguyên liệu để cân bằng biến động giá.
- Phát triển kênh thương mại để giảm tồn kho nguyên liệu khi giá có xu hướng giảm.

5.7. Rủi ro thị trường tiêu thụ.

Đa dạng hóa ứng dụng của sản phẩm và đa dạng hóa thị trường tiêu thụ (thị trường nội địa, thị trường Đông Bắc Á, thị trường Đông Nam Á, thị trường Trung Đông ...) không chỉ là biện pháp hạn chế rủi ro biến động thị trường tiêu thụ mà còn là biện pháp để phát triển kinh doanh của Công ty.

Bên cạnh đó Công ty luôn phát triển theo hướng đầu tư phát triển nhiều sản phẩm phục vụ nhiều ngành công nghiệp khác nhau. Việc này sẽ giảm thiểu tác động xấu khi một ngành nào đó bị giảm nhu cầu.

5.8. Rủi ro quản trị doanh nghiệp.

Công ty triển khai các biện pháp cụ thể quản trị rủi ro này:

- Đề cao bảo mật công nghệ sản xuất.
- Ngày càng nâng cao đời sống và thu nhập cho cán bộ công nhân viên để hạn chế tối đa việc mất nhân sự có kinh nghiệm, có tay nghề.
- Có kế hoạch đào tạo nhân sự thay thế hiệu quả.
- Đa dạng hóa các nguồn tài chính.

II. Tình hình hoạt động trong năm.

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2017	Năm 2018		% thực hiện so với KH 2018	% thực hiện 2018 so với 2017
		Kế hoạch	Thực hiện		
Doanh thu thuần	85.794,4	90.000,0	94.872,5	5,4%	10,6%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.626,0	3.200,0	3.602,1	12,6%	37,2%
Lợi nhuận khác	-27,8	0,0	81,8		393,5%
Lợi nhuận trước thuế	2.598,2	3.200,0	3.683,9	15,1%	41,8%
Lợi nhuận sau thuế	2.071,6	2.500,0	2.631,6	5,3%	27,0%
Tỷ lệ LNST trên vốn chủ sở hữu	8,6%	7,5%	7,5%	0%	-12,3%

Công ty đã bám sát các chỉ tiêu kinh tế Công ty đặt ra đầu năm. Kết quả kinh doanh đạt được cuối năm có sự tăng trưởng rõ rệt về qui mô và hiệu quả kinh doanh. Tất cả các chỉ tiêu đều vượt kế hoạch và có tỉ lệ tăng trưởng cao so với năm trước.

2. Tổ chức và nhân sự

Danh sách Ban điều hành Công ty cổ phần Phụ Gia Nhựa

STT	Họ tên	Năm sinh	Địa chỉ	Chức vụ	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Trần Đặng Công	1972	Số nhà 14, Phố Ngô Quyền, Phường Tráng Tiên, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Tổng giám đốc	1.609.000	48,76%

2	Nguyễn Thị Thanh Hường	1970	P21, A10 Khương Thượng, Quận Hai Bà Trung, Hà Nội	Giám đốc tài chính	80.000	2,42%
3	Trần Thị Việt Oanh	1973	SN 42 đường Hùng Vương, Phường Hội Hợp, TP Vinh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc	Kế toán trưởng	7.000	0,21%
TỔNG					1.696.000	51,39%

- Những thay đổi trong ban điều hành trong năm 2018: Không có.
- Số lượng cán bộ, nhân viên: 40 người.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.

- Các khoản đầu tư lớn: Không có.
- Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	61.395,2	67.971,7	10,7%
Doanh thu thuần	85.794,4	94.872,5	10,6%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.626,0	3.602,1	37,2%
Lợi nhuận khác	-27,8	81,8	393,5%
Lợi nhuận trước thuế	2.598,2	3.683,9	41,8%
Lợi nhuận sau thuế	2.071,6	2.631,3	27,0%
Tỉ lệ LNST trên vốn chủ sở hữu	8,6%	7,5%	-12,3%
Tỉ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Ghichú
<p>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</p> <p>+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</p> <p>+ Hệ số thanh toán nhanh:</p> <p style="padding-left: 40px;"><u>Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho</u></p> <p style="padding-left: 80px;">Nợ ngắn hạn</p>	<p>1,8 lần</p> <p>1,1 lần</p>	<p>1,8 lần</p> <p>1,2 lần</p>	
<p>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</p> <p>+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản</p> <p>+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu</p>	<p>45,1%</p> <p>82,2%</p>	<p>46,5%</p> <p>87,1%</p>	
<p>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</p> <p>+ Vòng quay hàng tồn kho</p> <p>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân</p> <p>Doanh thu thuần/Tổng tài sản</p>	<p>4,6</p> <p>1,8</p>	<p>4,3</p> <p>1,5</p>	
<p>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần</p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu</p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản</p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu</p>	<p>2,4%</p> <p>8,6%</p> <p>4,3%</p> <p>3,1%</p>	<p>2,8%</p> <p>7,5%</p> <p>4,1%</p> <p>3,8%</p>	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

5.1. Cổ phần.

- Tổng số cổ phần đang lưu hành 3.300.000 cổ phần.
- Loại cổ phần đang lưu hành:
Cổ phần phổ thông tự do chuyển nhượng: 1.414.000 cổ phần.
Cổ phần chuyển nhượng có điều kiện: 1.886.000 cổ phần.

5.2. Cơ cấu cổ đông.

Cơ cấu cổ đông phân loại theo tiêu chí tỉ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ)

Loại cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỉ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông
Cổ đông lớn (tỉ lệ sở hữu > 5%)	1.609.000	48,76%	1
Cổ đông nhỏ	1.691.000	51,24%	122
Tổng cộng	3.300.000	100,00%	123

Cơ cấu cổ đông phân loại theo tiêu chí cổ đông tổ chức, cổ đông cá nhân, cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài.

Loại cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỉ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông
I. Cổ đông trong nước	3.300.000	100,00%	123
1. Tổ chức	30.000	0,9%	1
2. Cá nhân	3.270.000	99,1%	122
II. Cổ đông ngoài nước	0	0%	0
1. Tổ chức	0	0%	0
2. Cá nhân	0	0%	0

(Công ty không có cổ đông Nhà nước)

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.
Trong năm Công ty không phát hành cổ phiếu.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

5.5. Các chứng khoán khác: Không phát hành.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm là 3.114 tấn.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức là 434 tấn, tương đương 14%.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

Tình hình tiêu thụ năng lượng điện trực tiếp và gián tiếp năm 2018.

- Tiêu thụ toàn công ty cả năm 2018: 680.353 kwh tương đương 1.273.197.510 đồng
- Tiêu thụ điện tại xưởng sản xuất năm 2018: 646.335 kwh tương đương 1.209.537.635 đồng

6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:
Tổng tiêu thụ nước sạch của công ty là: 2.453 m³.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng:
Bằng hệ thống thu hồi, sử lý và tái sử dụng nước thải trong sản xuất, Công ty đã tái sử dụng trên 90% lượng nước sử dụng trong sản xuất.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:
Không có

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Số lượng lao động: 40 người
- Mức lương trung bình năm 2018 là: 6,1 triệu đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.
Công ty thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể. Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ, nhân viên; quan tâm đến CB – CNV trong các ngày lễ tết. Ngoài những quyền lợi được quy định trong Luật Lao động, người lao động trong công ty còn được hưởng đãi ngộ dưới các hình thức như du lịch, nghỉ mát.

Ngoài ra, công ty còn có các chính sách hỗ trợ cho người lao động như:

- Chính sách hỗ trợ người lao động thuê nhà : Từ 250.000 đ đến 500.000 đ/ người/tháng
- Chính sách hỗ trợ nhân viên tiền trông giữ trẻ dưới 5 tuổi: 500.000 đ/người/bé/tháng.
- Chính sách hỗ trợ nhân viên tiền nuôi con dưới 10 tuổi: 300.000 đ/người/bé/tháng

c) Hoạt động đào tạo người lao động.

Trong công tác đào tạo, Công ty đã chú trọng đến công tác tự đào tạo, đào tạo tại chỗ và dành sự quan tâm khuyến khích các CBNV làm việc từ 2 – 3 năm để nâng cao trình độ chuyên môn. Công ty luôn đề cao và coi trọng con người, đó là nhân tố hàng đầu để quyết định mọi thành công trong các hoạt động của đơn vị.

Công ty có các chính sách đào tạo tiêu biểu như:

- Việc đào tạo lao động được thực hiện theo kế hoạch. Công ty coi trọng công tác đào tạo và huấn luyện nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, kỹ năng giao tiếp với khách hàng và ngoại ngữ.
- Huy động hợp lý nguồn lực để thực hiện kế hoạch đào tạo.
- Khuyến khích và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho những người tài giỏi phát huy khả năng của mình để đảm nhiệm những chức vụ, chức danh cao hơn.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

- Luôn ưu tiên tuyển dụng các lao động là người địa phương.
- Quan tâm chăm sóc người cao tuổi trong cộng đồng địa phương, cụ thể như thăm hỏi, tặng quà người cao tuổi dịp Lễ Tết.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Môi trường kinh tế vĩ mô khá ổn định. Ti giá, lãi suất và lạm phát ở mức hợp lý, thuận lợi cho sản xuất kinh doanh.

Thị trường taical tăng trưởng mạnh. Nhiều công ty sản xuất taical là khách hàng của Công ty đầu tư mở rộng sản xuất nên nhu cầu mua kẽm stearat do Công ty sản xuất ngày càng lớn. Đáp ứng nhu cầu này dây chuyền sản xuất stearate của Công ty vận hành hết công suất, đạt hiệu quả cao.

Công ty đã ký kết được hợp đồng cung cấp stearate cho khách hàng lớn, có tiềm năng và có vị thế trên thị trường taical là Công ty cổ phần An Tiến (Mã CK: HII) nằm trong Tập đoàn An Phát. Năm 2018 Công ty đã cung cấp nguyên liệu ổn định hàng tháng cho khách hàng này với doanh số ngày càng tăng.

Mặt khác do thời tiết không thuận lợi nên nhu cầu xốp EVA cho sản xuất thảm có giảm sút, ảnh hưởng đến sản phẩm này của Công ty. Tuy nhiên, sản lượng xốp EVA chiếm tỉ trọng thấp trong tổng sản lượng hàng hoá của Công ty nên không ảnh hưởng nhiều đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kết quả sản xuất kinh doanh tốt được phản ánh qua các chỉ số tài chính. Công ty đã có sự tăng trưởng rõ rệt về quy mô và hiệu quả kinh doanh, đạt được một số kết quả khả quan: Doanh thu thuần năm 2018 tăng 10,6% so với năm 2017, lợi nhuận trước thuế của Công ty năm 2018 tăng 41,8% so với năm 2017 và lợi nhuận sau thuế tăng 27% từ năm 2017 đến

năm 2018.

Bên cạnh đó, công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới (R&D) vẫn được ưu tiên. Việc nghiên cứu sản phẩm mới đã cho các kết quả khả quan, hứa hẹn từ 1 đến 2 sản phẩm có khả năng thương mại hoá trong tương lai gần.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản.

- Tổng tài sản đầu kỳ 61.395,2 triệu đồng, cuối kỳ 67.971,7 triệu đồng tăng 10,7%.
- Tỷ lệ doanh thu thuần trên tổng tài sản năm 2017 là 180%, năm 2018 là 150%.

2.2. Tình hình nợ phải trả.

- Tình hình nợ phải trả của công ty đến 31/12/2018 diễn biến bình thường, không có nợ phải trả quá hạn.
- Hệ số thanh toán ngắn hạn: Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty có mức cải thiện rõ rệt năm 2017 khi hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 1,3 lên 1,8 lần. Và năm 2018 đang duy trì hệ số thanh toán ngắn hạn là 1,8 lần. Các chỉ tiêu đều >1 cho thấy công ty đang duy trì tình hình tài chính ổn định, thanh toán được các khoản nợ trong ngắn hạn, tạo được lòng tin với nhà cung cấp, xây dựng hình ảnh uy tín.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Công ty chủ động sắp xếp lại mô hình tổ chức hoạt động cho phù hợp với mô hình Công ty đại chúng để đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh trong những năm tiếp theo, phù hợp với quy mô và số lượng nhân sự ngày càng gia tăng.
- Công ty luôn chú trọng việc nâng cao công ty tác quản trị; Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty làm cơ sở triển khai công tác quản lý, điều hành hoạt động của Công ty.
- Rà soát lại toàn bộ máy nhân sự, kiện toàn tổ chức, tái cấu trúc bộ máy quản lý, điều hành phù hợp với mô hình theo hướng tinh gọn. Tuyển dụng những nhân sự có trình độ chuyên môn, năng lực, nhiệt tình công tác phù hợp với ngành nghề và phương hướng kinh doanh của Công ty.
- Thường xuyên cập nhật các quy định, chủ trương, chính sách của Nhà nước để vận dụng, triển khai thực hiện tại Công ty. Thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

4.1. Dự báo tình hình.

a) Thuận lợi:

Tình hình kinh tế vĩ mô của Việt Nam vẫn tiếp tục ổn định trong năm 2019 và thậm chí năm

2020. Qui mô nền kinh tế ngày càng mở rộng với tốc độ tăng trưởng GDP ở mức cao, không thấp hơn 6% năm.

Tỉ giá và lãi suất sẽ không có biến động lớn và bất thường.

Tình hình sản xuất kinh doanh của các nhà sản xuất taical và PVC, là những thị trường tiềm năng của Công ty, đều có dấu hiệu tăng trưởng và kinh doanh có hiệu quả. Nhiều khách hàng truyền thống của Công ty đã hoàn tất việc đầu tư mở rộng sản xuất.

Công ty đã hoàn thiện được các kênh phân phối và thiết lập được quan hệ khá chặt chẽ với các khách hàng truyền thống để thống nhất đồng hành cùng phát triển.

Bằng cố gắng không ngừng hoàn thiện và nâng cao chất lượng sản phẩm, đa dạng hoá chất lượng để đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật khác nhau, sản phẩm của Công ty đã có chỗ đứng vững chắc trên thị trường, được khách hàng tín nhiệm.

Thị phần hiện tại của từng loại sản phẩm của Công ty chưa cao nên vẫn còn nhiều không gian để tăng trưởng.

Công ty vẫn đang giữ vị thế dẫn đầu trong sản xuất stearate tại Việt nam.

b) Khó khăn:

Những biến động kinh tế và chính trị trên thế giới và khu vực như Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung hay tình hình chính trị căng thẳng ở khu vực Đông Bắc Á (Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc và Triều Tiên) hay ở Biển Đông có thể gây ra những biến động khó lường về Cung-Cầu sản phẩm và nguyên nhiên vật liệu.

Cạnh tranh giá cả trên thị trường phụ gia nhựa nói chung và stearate nói riêng ngày càng khốc liệt. Điều này làm Công ty khó tăng giá bán.

Để đáp ứng được nhu cầu thị trường ngày càng tăng mà trực tiếp là từ các khách hàng truyền thống Công ty cần đầu tư mở rộng sản xuất, cụ thể là xây nhà máy thứ 2 cùng với dây chuyền thiết bị mới. Tuy nhiên nguồn tiền đầu tư vay của các ngân hàng thương mại là khá khó khăn và có nhiều hạn chế.

4.2. Định hướng phát triển

Nắm bắt được xu thế phát triển của thị trường, nắm bắt chính sách khuyến khích của Nhà nước và kết hợp nguồn lực thực tế của mình, Công ty sẽ tiếp tục đẩy mạnh đầu tư và mở rộng sản xuất kinh doanh trong thời gian sắp tới, từng bước xây dựng công ty, chuỗi cung ứng, sản xuất để phù hợp với định hướng phát triển bền vững của Công ty nói riêng và toàn ngành nhựa nói chung.

Tận dụng được những lợi thế chủ quan của doanh nghiệp và những lợi thế khách quan do nhu cầu thị trường, Công ty cần nhanh chóng chiếm lĩnh thị trường bằng việc đầu tư nâng

công suất cho các sản phẩm đã có uy tín hiện tại.

Đầu tư nguồn lực thoả đáng cho việc nghiên cứu phát triển sản phẩm mới (R&D) để tạo nền tảng cho việc đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh trong tương lai gần.

Bằng các giải pháp đồng bộ xây dựng hình ảnh Công ty là doanh nghiệp phát triển trên nền tảng công nghệ với giá trị cốt lõi là Sáng tạo và Tiên phong.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

6.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường.

Công ty được đánh giá là doanh nghiệp thân thiện với môi trường, có quy trình xử lý nước thải tuần hoàn khép kín, đạt các tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2004 về hệ thống quản lý chất lượng, ISO 14001: 2008 về hệ thống quản lý môi trường, và đạt tiêu chuẩn về an toàn sản xuất. Điều này giúp doanh nghiệp có lợi thế trong việc tiếp cận với các thị trường khắt khe về tiêu chuẩn vệ sinh môi trường. Trong thời gian tới công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm sẽ được đẩy mạnh hơn nữa với việc tăng cường về số lượng và chất lượng cán bộ, đầu tư thêm thiết bị kiểm nghiệm, hoàn thiện quy chế quản lý chất lượng.

Công ty dành diện tích đất khá lớn để làm hồ nước, trồng cây xanh tạo cảnh quan xanh, sạch, đẹp trong nhà máy.

6.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Công ty luôn quan tâm đến chất lượng lao động, do vậy Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn, tay nghề cao, tác phong phục vụ chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình

Công ty có chính sách khen thưởng lễ, tết, lương tháng thứ 13, một cách xứng đáng cho các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến về giải pháp kỹ thuật giúp đem lại hiệu quả kinh doanh cao, đồng thời áp dụng các biện pháp, quy định xử phạt đối với các công nhân có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động, hình ảnh Công ty.

Công ty thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các chế độ chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho các cán bộ công nhân viên, nâng bậc lương theo niên hạn cho cán bộ công nhân viên.

Ban Tổng Giám đốc, chịu trách nhiệm là phòng Hành chính có vai trò tổ chức các hoạt động khá hiệu quả. Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động thể dục thể thao, văn hóa văn nghệ hàng năm để thúc đẩy tinh thần đoàn kết giữa các công nhân viên, đồng thời nâng cao đời sống tinh thần và rèn luyện sức khỏe.

6.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương.

- Chính sách ưu tiên tuyển dụng lao động địa phương được Công ty thực hiện triệt để.
- Công tác xã hội chăm lo đến người cao tuổi ở cộng đồng địa phương được duy trì đều đặn và được đánh giá tốt.
- Tham gia tích cực vào các hoạt động xã hội của cộng đồng địa phương.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

- Công ty đảm bảo sản xuất tăng trưởng bền vững mặc dù điều kiện sản xuất kinh doanh còn nhiều khó khăn. Doanh thu và lợi nhuận tăng hơn so với năm trước, thu nhập của người lao động từng bước được cải thiện.
- Thực hiện tốt các quy định về tài chính kế toán của nhà nước.
- Trong những năm qua Công ty đã thực hiện rất tốt hoạt động marketing theo những đặc thù riêng có của mình và đã đạt được những hiệu quả cao. Đến nay sản phẩm và dịch vụ của Công ty đã có uy tín trên thị trường cả nước và quốc tế.
- Kiểm soát chất lượng sản phẩm tốt, đa dạng hoá sản phẩm đáp ứng được các yêu cầu chất lượng khác nhau của khách hàng.
- Công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm mới được thực hiện đúng tiến độ.
- Có trách nhiệm với môi trường và cộng đồng địa phương.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Cùng với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc Công ty đã có những chỉ đạo kịp thời trong việc tổ chức triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh, cũng như các biện pháp ứng phó với những biến động của thị trường trong bối cảnh khó khăn của nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng.
- Chấp hành đầy đủ và nghiêm túc các quy định pháp luật của các cơ quan nhà nước về chế độ báo cáo tài chính, hợp đồng giao dịch thương mại, hợp đồng lao động.
- Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch mà HĐQT đặt ra đầu năm.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.

Trong năm 2019, Công ty dự kiến đầu tư thêm nhà máy, máy móc, dây chuyền sản xuất như sau:

- Đầu tư xây dựng nhà máy thứ 2 (khoảng 3.000 m²) trên diện tích đất hiện có để mở rộng sản xuất kinh doanh.
- Đầu tư dây chuyền thiết bị nâng công suất sản xuất Stearate lên gấp 4 lần (4.000 tấn/năm).
- Đầu tư dây chuyền thiết bị nâng công suất sản xuất Masterbatch lên gấp 3 lần (3.500 tấn/năm).

Trong giai đoạn 2020 – 2023, thương mại hoá 2 – 3 sản phẩm mới do Công ty tự nghiên cứu

phát triển bằng đầu tư xây dựng nhà máy mới hoặc thông qua M&A.

V. Báo cáo tài chính

(Xem báo cáo tài chính năm 2018 đã kiểm toán đính kèm)

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO

PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Đăng Công